

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 405/2025/TLST-LĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 248/2025/QĐST-LĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Trương Mỹ T, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH J; địa chỉ: Lô C, KCN V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội cơ sở B; địa chỉ: Số A, Đường L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động, bản tự khai trong quá trình giải quyết người yêu cầu trình bày:*

Do có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà liên hệ với Bảo hiểm xã hội T1, tỉnh Bình Dương (nay là BHXH cơ sở L, Thành phố Hồ Chí Minh) để thực hiện thủ tục theo quy định. Khi làm thủ tục, bà T được Bảo hiểm xã hội thông báo thời điểm từ tháng 10/2004 đến tháng 02/2012 bà làm việc tại Công ty TNHH J, công ty có thực hiện đóng bảo hiểm cho bà vào thời gian trên theo Sổ bảo hiểm số 9104142035.

Tuy nhiên, trên thực tế người ký kết và trực tiếp làm việc với Công ty TNHH J là 01 người quen ở trọ cùng mượn giấy tờ của bà đi làm (bà không nhớ tên người này và cũng không liên lạc), khoảng thời gian từ tháng 06/2010 đến tháng 07/2010 bà làm việc tại Công ty TNHH E và Công ty cũng đóng bảo hiểm cho bà với mã số BHXH là 7412161588, từ tháng 08/2010 đến tháng 04/2012 thì không tham gia, từ tháng 05/2012 đến nay thì tiếp tục làm việc và tham gia BHXH.

Do đó, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Mỹ T (do người khác người ký kết và thực hiện) và Công ty TNHH J từ tháng 10/2004 đến tháng 02/2012 là vô hiệu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Công ty TNHH J, bảo hiểm xã hội cơ sở B: Quá trình tố tụng, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý việc lao động, Tòa án đã triệu tập Công ty TNHH J để làm việc, cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động nhưng Công ty V không có lý do và không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu của bà T.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật; người yêu cầu chấp hành đúng quy định; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở B và Công ty TNHH J đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không rõ lý do. Người yêu cầu bà T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian tháng 10/2004 đến tháng 02/2012, giữa người lao động Trương Mỹ T (do người khác ký kết) và Công ty TNHH J có ký hợp đồng lao động, công ty có tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 9104142035, người thực tế làm theo hợp đồng lao động là người ở trọ cùng bà T trước đây (bà T không nhớ tên, và không liên lạc), do bà T cho người đó mượn hồ sơ để giao kết hợp đồng lao động và làm việc. Trong khoảng thời gian từ tháng 06/2010 đến tháng 07/2010 bà làm việc tại Công ty TNHH E và Công ty cũng đóng bảo hiểm cho bà với mã số BHXH là 7412161588, từ tháng 08/2010 đến tháng 04/2012 thì không tham gia, từ tháng 05/2012 đến nay bà tiếp tục làm việc và tham gia BHXH.

Như vậy, việc một người khác dùng giấy tờ cá nhân của bà Trương Mỹ T để giao kết hợp đồng lao động là vi phạm các quy định trong xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[3] Theo hồ sơ thu thập, các tài liệu do đương sự cung cấp thể hiện: Bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Trương Mỹ T bị trùng từ tháng tháng từ tháng 06/2010 đến tháng 07/2010.

Do đó, bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động Trương Mỹ T (do người khác ký kết) với Công ty TNHH J vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, các bên có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ

bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà Trương Mỹ T chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trương Mỹ T.

Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa tên bà Trương Mỹ T (do một người khác ký kết) và Công ty TNHH J trong thời gian tháng 10/2004 đến tháng 02/2012 là vô hiệu.

- Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động bà Trương Mỹ T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0036427 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4/ Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16–TP Hồ Chí Minh;
- THADS TP Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN HOẠP**

Trần Thị Hoa Hạnh